TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D K** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Công Luận
Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Kim H Sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn Phú Â N 2, xã Diên A, huyện D K, Khánh Hòa; có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Kiều T Sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn Phú Â N 2, xã Diên A, huyện D K, Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Kiều T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên A, huyện D K vào năm 1998. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ 03 năm trở lại đây do vợ chồng không hòa hợp về nhiều mặt trong cuộc sống, ông T hay chửi mắng, đánh đập bà vì ghen tuông vô cớ trong khi bản thân bà không làm gì sai trái từ đó vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến hay kình cãi làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bản thân bà bị bệnh ung thư não nhưng vợ chồng suốt ngày kình cãi làm cho bà cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng cả về thể xác lẫn tình thần. Việc vợ chồng bà mâu thuẫn, ông T có

đánh bà nhưng bà không có báo chính quyền địa phương can thiệp vì bà nghĩ mâu thuẫn vợ chồng để tự giải quyết. Nhiều lần vì nghĩ đến con nên bà đã cho ông T cơ hội sửa đổi để hàn gắn, xây dựng gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi nên bà đã về nhà ba mẹ bà sống gần 01 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng không thể nào hàn gắn được nữa vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung là Kiều Thị V, sinh ngày 03/01/2003 và Kiều Văn D, sinh ngày 20/6/2008. Cháu V đã thành niên, khỏe mạnh nên bà H không có yêu cầu gì, còn cháu D thì bà giao cho ông T nuôi dưỡng vì hiện nay cháu đang sống với ông T và bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kiều T trình bày:* Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn ông thống nhất như lời trình bày của bà H. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể, có lần ông có đánh bà H vì bà H xúc phạm ông nhiều lần, bà H có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác, ông có nói thì bà H cho rằng chỉ là quan hệ bạn bè. Từ những mâu thuẫn đó dẫn đến vợ chồng hay xích mích, cãi vã làm cho không khí gia đình căng thẳng, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Ông và bà H không còn chung sống với nhau gần 01 năm nay. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà H nên ông không đồng ý ly hôn, ông muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông và bà H có có 02 con chung như bà H trình bày. Cháu V đã thành niên, khỏe mạnh nên ông không có yêu cầu gì. Còn cháu D thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định ông và bà H không có nợ chung.

Tại phiên tòa, ông T trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Kim H đối với ông Kiều T. Về con chung: có 02 con chung là Kiều Thị V, sinh ngày 03/01/2003 và Kiều Văn D, sinh ngày 20/6/2008. Cháu V đã thành niên, khỏe mạnh; giao cháu D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Kim H và ông Kiều T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên A, huyện D K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 69 vào ngày 24/11/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, giữa bà H và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến hay kình cãi làm cho không khí gia đình căng thẳng, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thực tế vợ chồng bà H, ông T không còn chung sống với nhau đã 01 năm nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Hôn nhân là phải xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ, không bạo lực gia đình. Tại các buổi làm việc tại Tòa án, bà H đều xác định không còn tình cảm với ông T, mặc dù ông cố gắng níu kéo nhưng tình cảm bà giành cho ông T đã không còn. Từ những nhận định trên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Kim H được ly hôn với ông Kiều T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Kiều Thị V, sinh ngày 03/01/2003 đã thành niên, khỏe mạnh và Kiều Văn D, sinh ngày 20/6/2008. Bà H đồng ý giao cháu D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu D đang sinh sống với ông T, cháu có nguyện vọng được ở với ông T nên hội đồng xét xử giao cháu D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Ghi nhận việc bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm mở phiên tòa các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bị đơn trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do đó,

về phần tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu sau này đương sự có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Bà Mai Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Mai Thị Kim H được ly hôn với ông Kiều T.

2. Về con chung:

Con chung Kiều Thị V, sinh ngày 03/01/2003 đã thành niên, khỏe mạnh. Giao con chung Kiều Văn D, sinh ngày 20/6/2008 cho ông Kiều T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Mai Thị Kim H cấp dưỡng nuôi con chung (cháu D) mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà Mai Thị Kim H, ông Kiều T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Mai Thị Kim H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002091 ngày 01/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D K, tỉnh Khánh Hòa. Bà H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

4. Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thông toán, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND xã Diên A (nơi đăng ký kết hôn - Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 24/11/1998);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa